ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 945 /QĐ-UBND	*Ninh Thuận, ngày 24 tháng 5 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án "Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, tỉnh Ninh Thuận" (SACCR-Ninh Thuận)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 56/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của Nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ các Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định 738/QĐ-TTg ngày 20/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án "Tăng cường khả năng chống chịu của sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ trước tình trạng mất an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu ở khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ, tỉnh Ninh Thuận" sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của Quỹ khí hậu xanh (GCF) thông qua Chương trình Phát triển liên hiệp quốc (UNDP);

Căn cứ Công văn số 2464/BNN-HTQT ngày 29/4/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hoàn thiện hồ sơ phê duyệt dự án SACCR do GCF viện trợ không hoàn lại;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 17/5/2021 của Hộ đồng nhân dân tỉnh về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025,

Căn cứ văn bản số 54/HĐND-VP ngày 13/5/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất danh mục dự án và kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 25/6/2020 về việc xác định dự án bố trí từ vốn Trung ương cân đối và vốn thu tiền sử dụng đất tại Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của Ủy ban nhân tỉnh Ninh Thuận về việc giao kế hoạch vốn chuẩn bịn đầu tư kế hoạch năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 130/TTr-SNNPTNT ngày 24/5/2021 và báo cáo kết quả thẩm định tại văn bản số 350/SNNPTNT-QLXDCT ngày 24/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án "Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, tỉnh Ninh Thuận" (SACCR-Ninh Thuận), với một số nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên Dự án: Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, tỉnh Ninh Thuận.

2. Cơ quan quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Nhà tài trợ: Quỹ Khí hậu xanh (GCF) viện trợ không hoàn lại thông qua Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP).

5. Mục tiêu dự án:

a) Mục tiêu chung: Tăng cường khả năng thích ứng của nông hộ nhỏ dễ bị tổn thương đối với tình trạng mất an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Trao quyền cho các nông hộ nhỏ dễ bị tổn thương trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, đặc biệt là phụ nữ và người dân tộc thiểu số, để quản lý rủi ro khí hậu ngày càng tăng trong sản xuất nông nghiệp thông qua đảm bảo nguồn nước, áp dụng các thực hành nông nghiệp mang tính chống chịu khí hậu và tăng cường khả năng tiếp cận thông tin khí hậu nông nghiệp mang tính thực hành, tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng và thị trường.

- Thúc đẩy sự chuyển đổi cách thức sản xuất quy mô nông hộ nhỏ từ các biện pháp ngắn hạn, mang tính đối phó sang các biện pháp mang tính tổng hợp, có sự điều phối giữa các bên liên quan thông qua quản lý nguồn nước, sản xuất chủ động dựa trên thông tin về rủi ro khí hậu.

6. Quy mô đầu tư xây dựng: Dự án bao gồm hai hợp phần:

a) Hợp phần 1: Tăng cường an ninh nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp của nông hộ quy mô nhỏ dễ bị tổn thương trong bối cảnh biến động về lượng mưa và hạn hán do biến đổi khí hậu.

- Hoạt động 1.1: Thiết lập kết nối cuối cùng từ cơ sở hạ tầng thủy lợi của WEIDAP tới ruộng của nông dân nghèo và cận nghèo để giúp họ đối phó với tình trạng biến động về lượng mưa và hạn hán ngày càng gia tăng:

+ Công việc 1.1.1: Thiết kế và xây dựng hệ thống đường ống kết nối nguồn nước từ 02 tiểu dự án "Phát triển thủy lợi phục vụ nông nghiệp công nghệ cao Thành Sơn - Phước Nhơn" và "Phát triển thủy lợi phục vụ nông nghiệp công nghệ cao Nhơn Hải - Thanh Hải" tỉnh Ninh Thuận, thuộc dự án ADB8 với tổng chiều dài khoảng 544 km, kết cấu ống nhựa HDPE và uPVC, đường kính ống DN50-DN200 và các phụ kiện phân phối đi kèm để cấp nước đến mặt rộng cho 1.577 hộ gia đình.

+ Công việc 1.1.2: Tập huấn cho 1.577 hộ là đối tượng của dự án trong hoạt động này (mỗi hộ một hệ thống kết nối/phân phối) sử dụng thiết bị tưới và bảo dưỡng hệ thống có thông tin về rủi ro khí hậu.

+ Công việc 1.1.3: Hỗ trợ kỹ thuật thành lập các Nhóm sử dụng nước cho phần vận hành và bảo dưỡng các hệ thống dùng chung cũng như thỏa thuận về các cơ chế đóng góp kinh phí cho các hệ thống dùng chung.

- Hoạt động 1.2: Tăng cường tưới tiêu bổ sung cho các nông hộ nhỏ, phụ thuộc nước mưa để đối phó với biến động về lượng mưa và hạn hán.

+ Công việc 1.2.1: Xây dựng mới và nâng cấp ao hồ nhỏ với tổng số lượng là 357 ao, trong đó: Cải tạo nâng cấp 133 ao chứa nước hiện với dung tích chứa từ (1000 ÷10.000) m³ nước; Xây dựng mới 41 ao dùng chung cho nhiều hộ gia đình với dung tích chứa từ (2.000 ÷5.000) m³ nước; Xây dựng mới 183 ao quy mô hộ gia đình (dùng riêng) và với dung tích chứa từ (800 ÷1200) m³ nước.

+ Công việc 1.2.2: Hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo cho các nông hộ;

+ Công việc 1.2.3: Hỗ trợ kỹ thuật thiết lập 41 nhóm quản lý ao chung.

- Hoạt động 1.3: Nâng cao năng lực của nông hộ nhỏ trong việc áp dụng các thực hành và công nghệ tiết kiệm nước nội đồng nhằm tối đa hóa năng suất nước để ứng phó với sự biến động về lượng mưa và hạn hán.

+ Công việc 1.3.1: Hỗ trợ kỹ thuật và tập huấn cho cán bộ khuyến nông và nông dân tiên tiến.

+ Công việc 1.3.2: Hỗ trợ kỹ thuật và tập huấn về quản lý nước xanh.

+ Công việc 1.3.3: Hỗ trợ kỹ thuật thiết kế và triển khai hệ thống tiết kiệm nước.

+ Công việc 1.3.4: Hỗ trợ kỹ thuật và tập huấn về vận hành và bảo dưỡng hệ thống tưới tiết kiệm nước.

b) Hợp phần 2: Tăng khả năng chống chịu về sinh kế cho nông hộ nhỏ thông qua sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu và tiếp cận với thông tin khí hậu, tài chính và thị trường.

- Hoạt động 2.1: Tăng cường các hệ thống và thực hành canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu (thổ nhưỡng, quản lý đất, cây trồng) cho các nông nông hộ nhỏ thông qua các Lớp học thực hành tại ruộng:

+ Công việc 2.1.1: Hỗ trợ kỹ thuật tổ chức mới hoặc lặp lại các lớp học đầu bờ.

+ Công việc 2.1.2: Hỗ trợ kỹ thuật và tập huấn cho giảng viên.

+ Công việc 2.1.3: Đào tạo hơn 7.073 hộ dân và các bên tham gia chuỗi giá trị.

+ Công việc 2.1.4: Hỗ trợ đầu tư cho 2.758 hộ dân nhỏ thông qua các chứng chỉ - phiếu mua hàng về thiết bị tưới tiết kiệm nước.

+ Công việc 2.1.5: Kiểm toán có sự tham gia về việc thực hiện phát chứng chỉ - phiếu mua hàng được hỗ trợ trong nội dung 1.4 và tham gia hệ thống canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Hoạt động 2.2: Tăng cường tiếp cận thị trường và tín dụng cho đầu tư nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu bền vững của các nông hộ nhỏ và các bên tham gia chuỗi giá trị.

+ Công việc 2.2.1: Hỗ trợ kỹ thuật thiết lập và vận hành các diễn đàn đổi mới khí hậu đa bên (CIP).

+ Công việc 2.2.2: Hỗ trợ kỹ thuật và tập huấn để thúc đẩy liên kết thị trường.

+ Công việc 2.2.3: Hỗ trợ kỹ thuật và tập huấn cho nông dân để tạo điều kiện cho tiếp cận tín dụng thông qua các tổ chức trung gian tài chính.

- Hoạt động 2.3: Xây dựng và sử dụng các tư vấn khí hậu nông nghiệp địa phương của nông hộ nhỏ thực hiện để tăng cường sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Công việc 2.3.1: Tập huấn cho cán bộ khí tượng thủy văn và cán bộ nông nghiệp.

+ Công việc 2.3.2: Thành lập các nhóm kỹ thuật về thông tin khí hậu thời tiết nông vụ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

+ Công việc 2.3.3: Xây dựng nội dung bản tin thời tiết nông vụ.

+ Công việc 2.3.4: Phổ biến các nội dung về dịch vụ khí hậu trong sản

xuất nông nghiệp cho các đối tượng hộ dân của dự án, tổng cộng là 30.980 hộ.

7. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS): Liên danh Chi nhánh Miền trung – Công ty TNHH Tư vấn trường đại học Thuỷ lợi và Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Thịnh.

8. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

a) Địa điểm xây dựng: Trên địa bàn các huyện Bác Ái, Ninh Sơn, Thuận Bắc và Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

b) Diện tích đất sử dụng: Tổng nhu cầu sử dụng đất để xây dựng công trình thuộc dự án dự kiến là 38,78 ha trong đó phân theo các huyện gồm: Huyện Ninh Hải là 8,11 ha; huyện Thuận Bắc là 18,01 ha; huyện Ninh Sơn là 7,17 ha và huyện Bác Ái là 5,49ha.

9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình:

- Nhóm dự án: nhóm B;

- Loại công trình: Công trình nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;

- Cấp công trình: Cấp IV.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

a) Số bước thiết kế: Dự án được thiết kế 2 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng:

- TCVN8478:2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế.

- TCVN8477:2018: Công trình thuỷ lợi. Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế.

- QCVN04- 05: 2010/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia - Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế.

- TCVN 12845:2020: Công trình thuỷ lợi - Thành phần nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

- TCXDVN 33 : 2006: Cấp nước, mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN4118:2012: Công trình thủy lợi- Hệ thống tưới tiêu - Yêu cầu kỹ thuật thiết kế.

- Và một số tiêu chuẩn ngành khác có liên quan.

11. Phương án xây dựng: Xây dựng mới và cải tạo nâng cấp.

12. Tổng vốn đầu tư của Dự án: **143.151.000.000** đồng (tương đương **6.145.156** USD; *Tỷ giá: 1USD = 23.295 đồng theo đề xuất được GCF thông qua)*, trong đó:

TT	Hạng mục chi phí	Giá trị	
		(triệu đồng)	(USD)
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	8.532,60	366.285
2	Chi phí xây dựng	53.097,20	2.279.339
3	Chi phí thiết bị	11.203,26	480.930
4	Chi phí Ban quản lý dự án	1.456,00	62.502
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	7.532,64	323.359
6	Chi phí khác	1.678,18	72.040
7	Chi phí dự phòng	1.143,06	49.069
8	Chi phí phần hoạt động đầu ra mang tính chất chi thường xuyên của dự án	58.508,45	2.511.631
8.1	*Chi phí tập huấn - đào tạo*	*18.188,77*	780.801
8.2	*Đầu tư thông qua các voucher đầu vào và công nghệ của các gói CRA [chi phí của các gói CRA; # người thụ hưởng; khu vực canh tác; v.v]*	*34.101,84*	1.463.912
8.3	*Chi phí quản lý dự án và chuyên gia*	*6.217,86*	266.918
9	**Tổng (1-8)**	**143.151,38**	**6.145.156**

(Đính kèm Bảng tổng mức đầu tư do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định và xác lập tại văn bản số 350/SNNPTNT-QLXDCT ngày 24/5/2021)

13. Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2021 đến tháng 6 năm 2026.

14. Nguồn vốn đầu tư của dự án:

- Vốn ODA (viện trợ không hoàn lại) từ Quỹ GCF tài trợ thông qua UNDP: **122,335** tỷ đồng (tương đương 5.251.575 USD).

- Vốn đối ứng: Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ và vốn ngân sách địa phương **20,816 tỷ đồng (**tương đương là **893.581** USD).

15. Cơ chế tài chính:

- Vốn ODA không hoàn lại: Ngân sách nhà nước cấp phát 100%.

- Vốn đối ứng: Tỉnh Ninh Thuận tự cân đối, bố trí 100% từ ngân sách địa phương và ngân sách Trung ương hỗ trợ.

16. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án hoặc thuê tư vấn quản lý dự án theo đúng quy định hiện hành.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chủ đầu tư) có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện quản lý dự án theo Điều 1 của Quyết định này, theo các quy định về quản lý dự án, đầu tư xây dựng, các quy định của nhà nước hiện hành và các yêu cầu của nhà tài trợ Quỹ Khí hậu xanh (GCF).

- Thực hiện các ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 2532/BC-BKHĐT ngày 04/5/2021 và Ban Quản lý Trung ương các dự án thủy lợi tại các văn bản liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Ninh Sơn, Bác Ái, Thuận Bắc, Ninh Hải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục thuế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC, NN&PTNT (báo cáo);
- Vụ HTQT – Bộ NN&PTNT;
- Ban QLTW các dự án Thủy lợi;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH, BTCDNC;
- Lưu: VT. PHT

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Huyền

VĂN BẢN ĐẾN ĐIỆN TỬ
Số 3920 Ngày 30/08/2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1057 /QĐ-UBND	*Ninh Thuận, ngày 30 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt điều chỉnh nội dung Dự án "Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, tỉnh Ninh Thuận" (SACCR-Ninh Thuận)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 114/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định 738/QĐ-TTg ngày 20/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án "Tăng cường khả năng chống chịu của sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ trước tình trạng mất an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu ở khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ, tỉnh Ninh Thuận" sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của Quỹ khí hậu xanh (GCF) thông qua Chương trình Phát triển liên hiệp quốc (UNDP);

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 24/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh về việc phê duyệt dự án "Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ" (SACCR-Ninh Thuận và được điều chỉnh tại Quyết định số 1683/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 và Quyết định số 842/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 203 /TTr-SNNPTNT ngày 16/8/2024 và văn bản số 581/SNNPTNT-QLCN ngày 16/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh nội dung Dự án "Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ" (SACCR-Ninh Thuận) được phê duyệt tại Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 24/5/2021của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh với một số nội dung chủ yếu như sau:

1. Điều chỉnh tại khoản 1 Điều 1 Quyết định 842/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, như sau:

- Tổng vốn đầu tư: **143.151.000.000** đồng (tương đương **6.145.156** USD; *Tỷ giá: 1USD = 23.295 đồng theo đề xuất được GCF thông qua)*, trong đó:

TT	Thành phần chi phí	Giá trị phê duyệt tại QĐ số 842/QĐ-UBND ngày 07/7/2022		Giá trị sau điều chỉnh	
		(triệu đồng)	(USD)	(triệu đồng)	(USD)
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	8.533	366.285	8.533	366.285
2	Chi phí xây dựng	50.979	2.188.395	50.979	2.188.395
3	Chi phí thiết bị	11.203	480.930	11.203	480.930
4	Chi phí quản lý dự án	1.456	62.503	1.165	50.002
5	Chi phí tư vấn xây dựng	8.163	350.440	8.163	350.440
6	Chi phí khác	1.579	67.771	1.579	67.771
7	Chi phí dự phòng	63	2.705	354	15.205
8	Chi phí phần hoạt động đầu ra mang tính chất chi thường xuyên của dự án	61.176	2.626.128	61.176	2.626.128
8.1	*Chi phí tập huấn - đào tạo*	*19.713*	*846.229*	*19.713*	*846.229*
8.2	*Hỗ trợ đầu tư cho hộ sản xuất nhỏ*	*35.245*	*1.512.981*	*35.245*	*1.512.981*

	nghèo/cận nghèo mục tiêu thông qua các phiếu mua hàng và công nghệ cho việc thực hiện các gói mô hình CRA thông qua các phiếu mua hàng dựa trên kết quả hoạt động				
8.3	*Chi phí quản lý dự án*	*6.218*	*266.918*	*6.218*	*266.918*
	Tổng cộng:	**143.151**	**6.145.156**	**143.151**	**6.145.156**

(Chi tiết theo Bảng Tổng mức đầu tư điều chỉnh đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định và xác lập tại văn bản số 581/SNNPTNT-QLCN ngày 16/8/2024)

2. Các nội dung khác được duyệt tại Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 24/5/2021, số 1683/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 và số 842/QĐ-UBND ngày 07/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không thay đổi.

Điều 2. Chủ đầu tư (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) có trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý dự án theo Điều 1 của Quyết định này và các quy định về quản lý dự án, đầu tư xây dựng, các quy định của nhà nước hiện hành và các yêu cầu của nhà tài trợ Quỹ Khí hậu xanh (GCF).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Ninh Sơn, Bác Ái, Thuận Bắc, Ninh Hải và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC, NN&PTNT (báo cáo);
- Vụ HTQT- Bộ NN&PTNT;
- BQL TW các dự án Thủy lợi;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH, TCD;
- Lưu: VT. PHT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trịnh Minh Hoàng